

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDC

TÊN HỌC PHẦN: THIẾT KẾ CẦU THÉP

HỌC KỲ 6

MÃ HỌC PHẦN: CIE - 418

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 15/05/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	142210189	BÙI NGỌC	HIẾU	T14XDC	6.5			6.5		7			5	5.8	Nằm pháp Tâm		
2	142210211	NGUYỄN QUANG	KHUÔNG	T14XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
3	142210237	PHẠM NHƯ	QUÂN	T14XDC	10			7.5		4			4.5	5.7	Nằm pháp Baý		
4	142210890	ĐOÀN CÔNG	THÀNH	T14XDC	7			7		4.5			4.5	5.3	Nằm pháp Ba		
5	142220292	HUỖNH NGỌC	ANH	T14XDC	8.5			7		7			8	7.8	Baý pháp Tâm		
6	142220293	NGÔ VĂN	ANH	T14XDC	6.5			6.5		4			6	5.9	Nằm pháp Chên		
7	142220294	NGUYỄN THẾ	BÌNH	T14XDC	7			7		6.5			6.5	6.7	Saũ pháp Baý		
8	142220295	PHẠM VĂN	BÌNH	T14XDC	8.5			8		6			6.5	7.0	Baý		
9	142220296	TRƯƠNG QUANG	CẢNH	T14XDC	10			7.5		6			5.5	6.6	Saũ pháp Saũ		
10	142220298	LÊ ĐỨC	CƯƠNG	T14XDC	9.5			7.5		3.5			4	5.3	Nằm pháp Ba		
11	142220299	ĐOÀN VĂN	DANH	T14XDC	6.5			7		6.5			4	5.2	Nằm pháp Hai		
12	142220300	NGUYỄN TRÌNH	DIỄN	T14XDC	6.5			7		6			8.5	7.6	Baý pháp Saũ		
13	142220301	NGÔ QUANG	ĐỊNH	T14XDC	7			7		3.5			5	5.4	Nằm pháp Bấu		
14	142220304	LÊ VĂN	DƯƠNG	T14XDC	5			6.5		4			4	4.5	Bấu pháp Nằm		
15	142220305	NGUYỄN SINH	DUY	T14XDC	6.5			7		8			4.5	5.7	Nằm pháp Baý		
16	142220306	NGUYỄN THẾ	HẢI	T14XDC	10			8		9.5			8.5	8.8	Tâm pháp Tâm		
17	142220307	DƯƠNG	HẢI	T14XDC	5			7		6.5			6	6.1	Saũ pháp Mất		
18	142220308	NGUYỄN HỮU	HẢI	T14XDC	10			8		5.5			6.5	7.1	Baý pháp Mất		
19	142220309	PHAN	HÀO	T14XDC	10			8		7.5			6.5	7.4	Baý pháp Bấu		
20	142220310	HUỖNH VĂN	HIỆP	T14XDC	9.5			7.5		7			6	6.9	Saũ pháp Chên		
21	142220311	PHAN	HIẾU	T14XDC	5			6		5.5			4	4.7	Bấu pháp Baý		
22	142220312	VÕ VĂN	HÙNG	T14XDC	10			8		7			7	7.6	Baý pháp Saũ		
23	142220313	ĐOÀN CÔNG	HUY	T14XDC	6.5			7		8.5			7	7.2	Baý pháp Hai		
24	142220314	TRẦN CÔNG	KHOA	T14XDC	10			8		6			6	6.9	Saũ pháp Chên		
25	142220315	LÊ NGUYỄN	LÂM	T14XDC	1			5		7			2.5	0.0	Khăng		
26	142220316	NGUYỄN BÁ	LÂM	T14XDC	7			7		9			8	7.9	Baý pháp Chên		
27	142220317	DƯƠNG TẤN	LĨNH	T14XDC	3.5			6.5		6			4	4.6	Bấu pháp Saũ		
28	142220318	NGUYỄN HỒNG	LỊNH	T14XDC	6.5			6.5		5			7.5	6.8	Saũ pháp Tâm		
29	142220319	CAO VĂN	LƯƠNG	T14XDC	7			0		5.5			4	4.1	Bấu pháp Mất		
30	142220321	NGUYỄN VĂN	MẠNH	T14XDC	6.5			7		6.5			4.5	5.5	Nằm pháp Nằm		
31	142220322	NGUYỄN HOÀI	NAM	T14XDC	8.5			7.5		3.5			6	6.2	Saũ pháp Hai		
32	142220325	TRẦN HOÀNG	NHÂN	T14XDC	6.5			7		6.5			4.5	5.5	Nằm pháp Nằm		
33	142220327	HỒ XUÂN	NHẬT	T14XDC	7			7		6			6	6.3	Saũ pháp Ba		
34	142220328	HUỖNH NGỌC	NINH	T14XDC	7			7		4			8	7.1	Baý pháp Mất		
35	142220330	CAO ĐỨC	PHƯỚC	T14XDC	7			7		5			7	6.7	Saũ pháp Baý		
36	142220332	HUỖNH CÔNG	QUANG	T14XDC	3.5			6.5		3.5			4	4.2	Bấu pháp Hai		
37	142220333	NGUYỄN MINH	QUYỀN	T14XDC	3.5			6.5		5			4	4.5	Bấu pháp Nằm		
38	142220334	TRẦN NGỌC	SÂM	T14XDC	6			7		6			6	6.2	Saũ pháp Hai		
39	142220335	NGUYỄN TRUNG	SƠN	T14XDC	10			7.5		4			7	7.1	Baý pháp Mất		
40	142220336	NGUYỄN NGỌC	SƠN	T14XDC	6.5			7.5		4.5			4	5.0	Nằm		

Ngày thi: 15/05/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	142220337	PHAN VĂN	TÂY	T14XDC	7			7		9.5			8	7.9	Báý pháý Chên		
42	142220338	NGUYỄN CAO	THẠCH	T14XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
43	142220339	LÊ MINH	THÀNH	T14XDC	5			6.5		3.5			5	5.0	Nàm		
44	142220340	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	T14XDC	7			7		4			4	4.9	Bấü pháý Chên		
45	142220341	LÊ VĂN	THÀNH	T14XDC	7			7		4.5			6	6.1	Sầü pháý Mầü		
46	142220342	VƯƠNG CÔNG	THÀNH	T14XDC	7			7.5		6.5			6.5	6.7	Sầü pháý Báý		
47	142220343	NGÔ NGỌC	THIỆN	T14XDC	7			7.5		7			2.5	0.0	Khăng		
48	142220344	HỒ VĂN	THIỆU	T14XDC	7			8		9			4	5.8	Nàm pháý Tầm		
49	142220345	MAI QUỐC	THỌ	T14XDC	8.5			7.5		7			5	6.2	Sầü pháý Hai		
50	142220346	HOÀNG CHÍ	TIẾN	T14XDC	8.5			7		5			4	5.3	Nàm pháý Ba		
51	142220347	NGUYỄN VĂN	TRÍ	T14XDC	7			7		3			5.5	5.6	Nàm pháý Sầü		
52	142220348	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	T14XDC	5			6.5		6.5			8	7.1	Báý pháý Mầü		
53	142220349	NGUYỄN TẤN	TUẤN	T14XDC	8.5			7.5		7			8	7.9	Báý pháý Chên		
54	142220350	NGUYỄN ANH	TUẤN	T14XDC	6.5			7		4.5			6.5	6.3	Sầü pháý Ba		
55	142220351	NGUYỄN VĂN	TUẤN	T14XDC	10			8		6.5			5	6.4	Sầü pháý Bầü		
56	142220353	NGÔ TÁ	VIỆT	T14XDC	7			7.5		5.5			4.5	5.5	Nàm pháý Nàm		
57	142220354	NGUYỄN BÁ	VINH	T14XDC	6.5			7.5		8.5			4	5.6	Nàm pháý Sầü		
58	142220356	NGUYỄN TRUNG	VƯƠNG	T14XDC	6.5			7		6			1.5	0.0	Khăng		
1	8412	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	K10XC	7			7.5		6.5			7	7.0	Báý		
2	0392	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	K12XDC	3.5			0		3.5			6.5	4.6	Bầü pháý Sầü		
3	0411	HOÀNG MINH	LƯỢNG	K12XDC	7			7.5		6.5			8	7.6	Báý pháý Sầü		
4	0339	NGUYỄN NGÔ HOÀI	BẮC	T13XDC	7			6.5		5.5			6.5	6.4	Sầü pháý Bầü		
5	0374	HỨA TỰ	VINH	T13XDC	6.5			6.5		5			6	6.0	Sầü		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	58	92%	
2	Số sinh viên nợ	5	8%	
TỔNG CỘNG :		63	100%	

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú